

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án Khu dân cư tại xã Canh Vinh, huyện Vân Canh
của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 4361/STNMT-CCBVMT ngày 27/11/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Khu dân cư tại xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Khu dân cư tại xã Canh Vinh, huyện Vân Canh đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 1495/TTPTQĐ-HTTĐC ngày 26/11/2025 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 767/TTr-SNNMT ngày 18/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khu dân cư tại xã Canh Vinh, huyện Vân Canh (sau đây gọi là Dự án) của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Canh Vinh, tỉnh Gia Lai với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường theo Phụ lục đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./ 

Nơi nhận:

- Bộ NNMT (để b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở NNMT;
- Chủ dự án;
- UBND xã Canh Vinh;
- Lưu: VT, N1,1. 



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
KHU DÂN CƯ TẠI XÃ CANH VINH, HUYỆN VÂN CANH CỦA
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT TỈNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khu dân cư tại xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.
- Địa điểm thực hiện: xã Canh Vinh, tỉnh Gia Lai.
- Chủ dự án đầu tư: Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh.
- Địa chỉ liên hệ: Số 210 Diên Hồng, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai.

1.2. Quy mô, công suất

- Tổng diện tích thực hiện dự án: 28,37 ha, trong đó:
 - + Phạm vi đầu tư Khu dân cư tại xã Canh Vinh, huyện Vân Canh có diện tích khoảng 26,34 ha (theo Nghị quyết số 57/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Bình Định ngày 21/09/2023).
 - + Phạm vi đầu tư tuyến kênh dẫn nước phía Đông bổ sung có diện tích khoảng 2,03 ha (theo Văn bản số 3170/UBND–TH ngày 18/4/2025 của UBND tỉnh Bình Định (nay là UBND tỉnh Gia Lai)).
- Quy mô: gồm 761 lô, dân số khoảng 3.044 người.
- Cơ cấu sử dụng đất:
 - + Đối với phần diện tích đầu tư xây dựng dự án Khu dân cư xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.

STT	Thành phần đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở xây dựng nhà liền kề	LK	84.086,60	31,92
2	Đất công trình hạ tầng xã hội		34.038,20	12,92
2.1	Đất xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng	DSH	502,00	
2.2	Đất giáo dục		10.587,20	
-	Trường tiểu học	TH	5.290,20	
-	Trường mầm non	MG	5.297,00	
2.3	Đất xây dựng trạm y tế	YT	502,00	

STT	Thành phần đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
2.4	Đất thể dục thể thao	TDDT	2.570,20	
2.5	Đất cây xanh sử dụng công cộng	CXCC	16.606,80	
2.6	Đất thương mại (chợ - trung tâm thương mại)	DCH	3.270,00	
3	Đất công trình thương mại dịch vụ (*)	TMD	9.132,80	3,47
4	Đất cây xanh chuyên dụng	CXCD	13.099,40	4,97
5	Đất giao thông		112.212,00	42,59
6	Đất bãi đỗ xe	BDX	5.994,40	2,27
7	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác		4.900,90	1,86
7.1	Đất hành lang bảo vệ kết cấu hạ tầng	HLBV	1.413,00	
7.2	Đất hạ tầng kỹ thuật đầu mối	DRA	344,00	
7.3	Đất mương thoát nước	MN	3.143,90	
Tổng cộng			263.464,3	100,00

+ Đối với phần diện tích đầu tư xây dựng tuyến kênh dẫn nước (bổ sung):

STT	Thành phần đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng tuyến mương nước (bổ sung)		20.249,6	
Tổng cộng			20.249,6	100,00

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính:

- Đối với đầu tư xây dựng dự án Khu dân cư xã Canh Vinh: san nền (263.464,30 m²), bố trí 761 lô đất ở có diện tích sử dụng đất 84.086,60 m².

- Đối với xây dựng tuyến kênh dẫn nước (bổ sung): Xây dựng mới tuyến kênh có chiều dài 610m, cao trình tại điểm đầu tuyến +10,50m, cao trình tại điểm cuối tuyến +10,20m.

+ Kết cấu kênh: Kết cấu BTXM B15 (M200) đá 2x4 dày 15cm trên lớp bạt nhựa lót móng, đặt trong hệ khung giằng bằng BTCT B15 (M200) đá 2x4. Chân khay gia cố chống xói bằng đá hộc thả rời. Bề rộng đáy kênh B=10m, chiều cao kênh trung bình H=2,5m, hệ số mái m=2,0. Bờ kênh phía bờ tả rộng 3m, phía bờ hữu bờ kênh rộng 4m (xây dựng mặt đường rộng 4m kết cấu BTXM B22,5 (M300) đá 2x4 dày 20cm dọc theo tuyến kênh).

+ Công trình trên kênh: Xây dựng cống hộp 2 cửa BxH=2x(6x2,5)m tại lý trình KM0+462m của kênh có đường BTXM hiện trạng cắt qua. Xây dựng cống hộp 4 cửa BxH=4x(3x3,3)m cuối tuyến kênh có đường BTXM hiện trạng cắt qua, kết hợp lắp đặt cửa điều tiết sau cống ngăn nước sông vào.

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ: Hệ thống đường giao thông, hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước và PCCC, thông tin liên lạc.

1.3.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường:

- Trong thời gian thi công: bố trí 01 nhà vệ sinh di động; bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại có dán nhãn cảnh báo theo quy định.

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Xây dựng 01 hệ thống xử lý nước thải công suất 100 m³/ngày.đêm đặt ở phía Nam của dự án (đặt ngầm) để xử lý nước thải, đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường theo QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng, có hệ thống xử lý mùi.

- Cây xanh với diện tích khoảng 29.706,2 m².

- Khu tập kết trang thiết bị thu gom rác, diện tích 10 m² tại khu vực cây xanh dự án.

1.3.4. Các hạng mục, hoạt động không thuộc phạm vi Báo cáo đánh giá tác động môi trường: Hoạt động khai thác vật liệu san nền, vật liệu thi công phục vụ dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa 02 vụ với diện tích khoảng 2,72 ha.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Trong giai đoạn thi công, xây dựng: Hoạt động phát quang, chuẩn bị mặt bằng thi công, thi công các hạng mục công trình, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, gây ảnh hưởng đến khả năng thoát nước khu vực.

- Trong giai đoạn vận hành: Hoạt động của các phương tiện giao thông lưu thông trên các tuyến đường xung quanh dự án phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải; hoạt động sinh hoạt của cư dân sinh sống trong dự án phát sinh chất thải sinh hoạt,...

- Hoạt động duy tu, bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án như hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải, giao thông.

- Hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa 02 vụ với diện tích khoảng 2,72 ha.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải từ sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 2,16 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công phát sinh với lưu lượng khoảng 1,6 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, đất, cát,...

- Nước mưa chảy tràn trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước thải sinh hoạt từ các hộ dân, công trình công cộng, dịch vụ, trường mẫu giáo, trường tiểu học của dự án và các khu dân cư hiện trạng phát sinh với lưu lượng khoảng 317,13 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Hoạt động chuẩn bị mặt bằng, thi công các hạng mục công trình, vận chuyển nguyên vật liệu san lấp, thi công; vận hành máy móc, phương tiện thi công trên công trường,... Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x, NO_x, SO₂, VOC,...

b) Giai đoạn hoạt động

Hoạt động giao thông của người dân, quá trình dọn vệ sinh khu vực công cộng; khí thải từ quá trình nấu nướng của người dân,... Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x, NO_x, SO₂, VOC,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh với khối lượng khoảng 41,09 kg/ngày. Thành phần chủ yếu khoảng 60 - 70% chất hữu cơ (rác thực phẩm) và 30 - 40% các thành phần khác nhau (giấy, nhựa, thủy tinh,...).

b) Giai đoạn hoạt động

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh với khối lượng khoảng 2.084 kg/ngày. Thành phần chủ yếu khoảng 60 - 70% chất hữu cơ (rác thực phẩm) và 30 - 40% các thành phần khác nhau (giấy, nhựa, thủy tinh,...).

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường (chỉ đánh giá giai đoạn thi công xây dựng)

- Chất thải rắn từ hoạt động phá dỡ công trình hiện trạng khoảng 479 m³. Thành phần chủ yếu là xà bần.

- Chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình phát sinh với khối lượng khoảng 851,1 – 1.418,5 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là cát, đá, sắt thép vụn, gỗ, bao bì xi măng,...

- Đất bóc phong hóa hữu cơ phạm vi nền đường phát sinh với khối lượng khoảng 25.644,63 m³.

3.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại, chất thải phải kiểm soát

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Hoạt động thi công dự án, bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu của các phương tiện thi công phát sinh chất thải nguy hại, chất thải phải kiểm soát với khối lượng khoảng 21 kg trong suốt quá trình thi công xây dựng. Thành phần chủ yếu là giẻ lau nhiễm dầu thải, các loại dầu mỡ thải, pin, ắc quy,...

b) Giai đoạn hoạt động

Hoạt động sinh hoạt của người dân tại khu vực dự án phát sinh chất thải nguy hại, chất thải phải kiểm soát với khối lượng khoảng 10,42 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang thải, pin ắc quy thải, linh kiện điện tử hỏng, bình xịt côn trùng,...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; các máy móc, thiết bị thi công như máy đào, máy đầm, máy ủi; hoạt động san lấp mặt bằng phát sinh tiếng ồn, độ rung ảnh hưởng đến công nhân, người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

b) Giai đoạn hoạt động

Hoạt động lưu thông của các phương tiện giao thông ra vào Dự án.

3.4. Các tác động khác

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ảnh hưởng đến người dân sinh sống lân cận khu vực công trình và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

- Hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa tác động đến sinh kế của người dân và hệ thống sinh thái khu vực.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất an ninh, trật tự xã hội khu vực dự án.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn.

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân bằng 01 nhà vệ sinh di động có dung tích khoảng 400 lít; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý.

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất: Tạo các mương thoát nước tạm thời để dẫn dòng đảm bảo thoát nước nhanh, không gây ngập úng cục bộ.

- Nước thải xây dựng: được thu gom tái sử dụng cho quá trình xây dựng, phần dư được thu gom lắng cặn trước khi thải ra môi trường.

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước mưa chảy tràn: Hệ thống thoát nước mưa cho dự án được thiết kế tự chảy và thoát nước riêng với hệ thống thoát nước thải. Hướng thoát nước từ Tây sang Đông, cụ thể:

- + Lưu vực 1: Phía Bắc dự án (phía Bắc đường quy hoạch D7) với tổng diện tích khoảng 15,7ha nước mưa được thu gom, tập trung về các tuyến cống tròn (D600- D1200)mm chảy về cửa xả 1 phía Đông dự án, xả ra kênh thoát nước quy hoạch của dự án. Ngoài ra, đối với khu dân cư hiện trạng phía Bắc dự án nước mưa được thu gom về tuyến mương B=2,0m giáp khu dân cư hiện trạng và các tuyến cống tròn (D600-D1200)mm chảy về cửa xả 3 ra khu vực vùng đệm (khoảng 1,0ha) xả ra tuyến kênh quy hoạch mới đáy rộng 10m phía Đông dự án. Sau đó chảy theo tuyến kênh dẫn nước bổ sung phía Đông chảy ra sông Hà Thanh.

- + Lưu vực 2: Phía Nam dự án (phía Nam đường quy hoạch D7) với tổng diện tích khoảng 12,5ha. Nước mưa được thu gom, tập trung về các tuyến cống tròn (D600- D1500)mm, thoát về cửa xả 2 ở phía Nam dự án, xả ra cống thoát

nước hiện trạng, thoát ra sông Hà Thanh.

+ Xây dựng tuyến mương B=0,4 m bằng BTCT đá 1x2 B20 (M250) dài 254m để thu gom nước mặt phía Nam dự án.

+ Xây dựng tuyến mương B=0,4 m bằng BTCT đá 1x2 B20 (M250) dài 417 m để thu gom nước mặt cho đường ĐT.638 phía Tây dự án.

+ Xây dựng tuyến mương B=2,0 m bằng BTCT đá 1x2 B20 (M250) dài 488 m để thu gom nước mặt của khu dân cư hiện trạng phía Bắc dự án.

- Nước thải sinh hoạt: Hệ thống thu gom và thoát nước thải được thiết kế riêng với hệ thống thu gom và thoát nước mưa. Phương án xử lý nước thải như sau:

+ Giai đoạn đầu: Xây dựng khu xử lý nước thải với công suất $100\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ đặt tại khu vực phía Nam dự án. Nước thải sinh hoạt của dự án được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại tại các hộ dân, sau đó được thu gom bằng tuyến cống thoát nước thải HDPE – PE100 D300 – D350mm, dẫn về khu xử lý nước thải tập trung để xử lý. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A, K=1). Nước thải sau xử lý được bơm bằng đường ống áp lực D110mm dài khoảng 590m dọc theo đường bê tông hiện trạng xả ra tuyến mương thoát nước bổ sung phía Đông của Dự án, sau đó thoát ra sông Hà Thanh, tọa độ điểm xả: X= 1.519.933; Y= 591.960 (theo hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3^0 , kinh tuyến trực $108^015'$).

+ Về lâu dài: Khi lượng nước thải sinh hoạt tại Dự án phát sinh từ $80\text{m}^3/\text{ngày}$ trở lên, UBND xã Canh Vinh đề xuất cấp thẩm quyền bố trí kinh phí để xây dựng giai đoạn tiếp theo đảm bảo thu gom xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh hoặc khi hạ tầng thoát nước thải chung theo quy hoạch của xã Canh Vinh được đầu tư xây dựng hoàn thiện sẽ tiến hành đầu nối vào hệ thống thu gom tập trung, đảm bảo đồng bộ theo quy hoạch.

+ Công nghệ xử lý nước thải như sau: Nước thải sinh hoạt → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể kỵ khí → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Bồn lọc áp lực → Nguồn tiếp nhận (đạt QCVN 14:2008 cột A, K=1).

Ghi chú: Kể từ ngày 01/01/2032, giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đáp ứng quy định tại QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

4.1.2. Đối với hoàn trả mương

- Đối với Khu dân cư tại xã Canh Vinh:

Hoàn trả kênh mương: Khu vực phía Đông dự án có suối Bà Tiết, rộng

khoảng 5m. Trong quá trình xây dựng, thực hiện hoàn trả lại bằng tuyến kênh thu nước hình thang, đáy rộng từ (7-10)m, chiều dài khoảng 433,5m, kết cấu bằng BTXM.

- Đối với tuyến kênh dẫn nước (bổ sung):

Hoàn trả kênh mương thủy lợi: Trong quá trình xây dựng tuyến kênh sẽ cắt qua 02 đoạn kênh tưới $B=0,4\text{m}$ và kênh tưới $B=0,5\text{m}$ bị ảnh hưởng thuộc trạm bơm Cây Me. Chủ đầu tư sẽ có phương án hoàn trả như sau:

+ Đối với tuyến mương $B=0,4\text{m}$ sẽ hoàn trả đoạn mương BTXM rộng $0,4\text{m}$, dài 22m và đoạn cắt ngang kênh sẽ hoàn trả bằng hệ thống cầu máng ống thép D600 tại lý trình $\text{KM}0+418,4\text{m}$.

+ Đối với tuyến mương $B=0,5\text{m}$ sẽ hoàn trả bằng hệ thống cầu máng ống thép D800 tại lý trình $\text{KM}0+590,3\text{m}$.

4.1.3. Đối với bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Thường xuyên phun nước giảm bụi tại các khu vực thi công, tuyến đường vận chuyển đoạn qua khu dân cư với tần suất 2,0 lần/ngày.

- Đối với phương tiện vận chuyển: vận chuyển đúng tải trọng cho phép, vệ sinh trước khi ra khỏi công trường, phủ bạt kín không để rơi vãi đất, cát ra đường.

- Khu vực bãi chứa nguyên vật liệu và chất thải rắn công nghiệp thông thường: sử dụng bạt che chắn xung quanh đảm bảo không phát tán bụi ra môi trường.

- Che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió và hạn chế chiều cao lưu chứa dưới 2m .

- Hàng ngày, bố trí công nhân quét dọn thu gom đất, cát rơi vãi, vệ sinh dọc theo tuyến đường hiện trạng và tại khu vực thi công.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại công trường.

b) Giai đoạn hoạt động

- Thường xuyên quét dọn, làm vệ sinh đường nội bộ.

- Định kỳ bảo dưỡng mặt đường.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Trang bị thùng rác có nắp đậy đặt tại khu vực lán trại, khu ăn uống nghỉ ngơi của công nhân.

- Yêu cầu công nhân thực hiện bỏ rác đúng nơi quy định.
- Hợp đồng với đơn vị có chức năng tại địa phương để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn theo đúng quy định.

b) Giai đoạn hoạt động

Các hộ gia đình tự thu gom, phân loại, lưu giữ và chuyển giao cho đơn vị chức năng để vận chuyển đi xử lý theo quy định. Các hộ gia đình có trách nhiệm chi trả chi phí thu gom chất thải rắn cho đơn vị thu gom.

4.2.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Đất bóc tách tầng đất mặt được quản lý theo quy định tại Điều 10, Nghị định 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết về đất trồng lúa.

- Đất bóc phong hóa hữu cơ được tận dụng đắp vào diện tích cây xanh của dự án, không vận chuyển đổ thải ra bên ngoài phạm vi dự án.

- Xà bần từ hoạt động phá dỡ các công trình hiện trạng được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Các chất thải có thể tái sinh tái chế như bao bì giấy, nhựa, sắt, thép,... được bán cho các đơn vị thu gom phế liệu có chức năng.

- Phần chất thải xây dựng không thể tận dụng được thu gom và hợp đồng với đơn vị chức năng của địa phương để thu gom, vận chuyển cùng với chất thải rắn sinh hoạt.

4.2.3. Công trình và biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại và chất thải phải kiểm soát

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Thực hiện thu gom riêng chất thải nguy hại, chất thải phải kiểm soát và lưu chứa trong các thùng chứa riêng biệt.

- Trang bị các thùng rác có nắp đậy, dán nhãn nhận biết.

- Hợp đồng bàn giao, vận chuyển đưa đi xử lý với đơn vị có chức năng.

b) Giai đoạn hoạt động

- Tuyên truyền, hướng dẫn cho cư dân thu gom, phân loại chất thải nguy hại, chất thải phải kiểm soát.

- Phối hợp cơ quan quản lý môi trường của tỉnh thực hiện các chương trình thu gom chất thải nguy hại, chất thải phải kiểm soát và hợp đồng, chuyển giao cho đơn vị chức năng xử lý theo quy định.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của

Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TN&MT; QCVN 07:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép đối với chất thải nguy hại.

4.3. Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng các thiết bị thi công được đăng kiểm, hạn chế sử dụng nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn cùng một thời điểm; thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị hư hỏng.

- Yêu cầu đơn vị thi công lắp đặt các thiết bị giảm âm và chống rung đối với các thiết bị gây ồn và rung cao: máy đầm, xe lu, máy trộn bê tông, ... Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị hư hỏng.

- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ; không vận hành các thiết bị phát sinh độ ồn cao trong khoảng thời gian từ 11h30 đến 13h30 và từ 18h00 đến 6h00 sáng hôm sau.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án giảm thiểu tác động do hoạt động chiếm dụng đất lúa

Chủ dự án phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức triển khai thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

4.4.2. Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông

- Xây dựng phương án tổ chức thi công và phân luồng giao thông trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

4.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố kỹ thuật

Tuân thủ đúng theo phương án thiết kế kỹ thuật và thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra và nghiệm thu các công trình và khắc phục ngay khi phát hiện sự cố.

4.5.2. Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ

Lập phương án chữa cháy, các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ. Thông báo cho cơ quan chức

năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

4.5.3. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

Xây dựng nội quy làm việc tại công trường và tuyên truyền, phổ biến cho công nhân, đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công trong mùa mưa lũ; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường. Thông báo ngay cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

4.5.4. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng

Thi công hoàn thành các hạng mục đắp đất san nền trước mùa mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không gây ứ đọng, ngập úng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án trong giai đoạn thi công xây dựng dự án

- Giám sát không khí xung quanh

Vị trí giám sát:

+ Khu vực tiếp giáp với khu dân cư phía Đông (KK1), (Tọa độ: X: 1.519.878; Y: 591.417).

+ Khu vực tiếp giáp với khu dân cư phía Bắc dự án (KK2), (Tọa độ: X: 1.520.330; Y: 591.127).

(Theo hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3⁰, kinh tuyến trực 108⁰15')

- Thông số giám sát: Tiếng ồn, bụi.

- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần.

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- Giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

+ Thường xuyên theo dõi, giám sát thành phần, số lượng của chất thải rắn và chất thải nguy hại phát sinh.

+ Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo các quy định hiện hành tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại có hiệu lực tại thời điểm giám sát.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Chủ dự án có trách nhiệm bàn giao đầy đủ hồ sơ giấy tờ; thông tin liên quan; quy trình vận hành và kế hoạch ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải của Dự án cho chính quyền địa phương quản lý, vận hành theo quy định.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo không làm hư hỏng hệ thống đường giao thông khu vực và hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, hoạt động giao thông và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện dự án.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh bởi dự án, đảm bảo môi trường xung quanh khu vực dự án trong các giai đoạn của dự án luôn đáp ứng tiêu chuẩn tại QCVN 05:2023/ BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/ BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/ BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác về bảo vệ môi trường./.